

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 65/2026/DS-PT
Ngày 11 - 3 - 2026
V/v Tranh chấp ranh giới là quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn và ông Nguyễn Xuân Trọng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:**
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ranh giới là quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 251/2025/QĐ-PT ngày 04/12/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ cũ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Lê Thế Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ cũ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1964 (có mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 (có mặt);

3.3. Anh Lê Quốc H1, sinh năm 1986 (có mặt);

3.4. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ, địa chỉ cũ: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

4. Người kháng cáo: Ông Lê Quang H – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày: Gia đình ông và gia đình ông Q là anh em cùng họ và có đất giáp ranh nhau. Gia đình ông đang sử dụng thửa đất 55+01.2 và 55.2 tờ bản đồ số 11, diện tích 1297m² trong đó 400m² đất ở và 897m² đất vườn, địa chỉ thửa đất tại Thôn H, thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/8/2002. Ranh giới thửa đất này với thửa đất hộ ông Q là một mương nước thủy lợi. Hiện nay vợ chồng ông cho con trai ông là Lê Quốc H1 và vợ Nguyễn Thị H2 xây nhà ở nhờ trên đất (phần đất này không có tranh chấp). Nguồn gốc mương nước này là đất của gia đình ông hiến vào quỹ đất thủy lợi khoảng những năm 1984 - 1986 trước khi thành lập bản đồ 299 nên diện tích mương không thuộc diện tích đất của gia đình ông. Thửa đất số 55.2, tờ bản đồ số 11.01, có diện tích là 1.237m² (phần diện tích đất này ông đang sử dụng và không có tranh chấp). Do vậy phần đất của gia đình ông giáp ranh với đất của gia đình ông Q có tranh chấp là thửa đất số 55+1.2 (55.1) tờ bản đồ số 11 có diện tích 60m² phần diện tích này nằm giáp ranh với đất của gia đình ông Q và cách đất gia đình ông đang cho vợ chồng anh H1 ở nhờ (không có tranh chấp) là một mương nước rộng 1,4m. Trên phần diện tích đất tranh chấp có ranh giới giáp ranh với gia đình ông Q gia đình ông đã trồng các cây lâm lộc gồm 03 cây nhãn (gồm 02 cây nhãn nhỏ, 1 cây nhãn to đường kính khoảng 80cm); 01 bụi mai. Các tài sản này là của vợ chồng ông, không liên quan đến các con.

Ông xác định hiện gia đình ông đang sử dụng thửa đất 55.1 diện tích còn lại 28m² và xác định hộ ông Q lấn chiếm diện tích khoảng 32m² đất và xây công trình trên phần đất lấn chiếm. Mặc dù việc lấn chiếm đất xảy ra từ năm 2012 khi gia đình ông Q xây dựng công trình nhà bếp, tường rào trên đất nhưng thời điểm đó do cây cối mọc nhiều rậm rạp, che kín đất nên gia đình ông không biết gia đình ông Q đã xây lấn đất của gia đình ông. Đến năm 2023 xảy ra tranh chấp do ông Q cho rằng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q được cấp có thửa đất 55.1, diện tích 60m² mà gia đình ông đang sử dụng nên ông Q đã làm đơn ra Ủy ban nhân dân xã N và Ủy ban nhân dân huyện Sông Lô đề nghị giải quyết buộc gia đình ông phải trả cho ông Q diện tích 60m². Sau khi ông Q có đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân xã N đã mời vợ chồng ông và ông Q ra giải quyết. Tại Ủy ban nhân dân xã N khi giải quyết đã xác định phần đất 60m² mà ông Q cho rằng là đất của gia đình ông Q là đất của gia đình ông thể hiện trên bản đồ 299 và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông cùng các sổ sách quản lý đất tại Ủy ban nhân dân xã N. Do vậy ông Q đã rút đơn đề nghị tại UBND xã N. Sau khi ông Q rút đơn gia đình ông đo lại diện tích đất và so sánh trên bản đồ 299 thì diện tích đất của gia đình ông, phần thửa đất 55.1 giáp ranh với thửa đất ông Q không còn đủ 60m² mà thực tế chỉ còn 28m². Do đó ông xác định ông Q lấn đất của gia đình ông khoảng 32m² và đã xây nhà bếp, công trình phụ lên phần đất lấn của gia đình ông. Ông đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Q tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất lấn của gia đình ông để trả lại cho gia đình ông diện tích đất khoảng 32m². Theo kết quả xem xét thẩm định đo đạc diện tích đất đang tranh chấp còn lại 49,9m² do vậy tại phiên tòa sơ thẩm ông đề nghị ông Q phải tháo dỡ công trình

xây dựng và trả lại cho ông diện tích là 10,1m² tại thửa 55.1, tờ bản đồ số 11; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên ông không xác định được phần diện tích, kích thước cụ thể ông Q lấn đất và yêu cầu ông Q tháo dỡ công trình xây dựng trả 10,1m² để đủ diện tích 60m² cho gia đình ông.

Bị đơn ông Lê Thế Q trình bày: Gia đình ông và gia đình ông H là anh em họ và là hộ có đất giáp ranh, liền kề. Diện tích đất gia đình ông đang sử dụng là thửa 55.1 và 55.2, tờ bản đồ số 11, diện tích 1316m², địa chỉ thửa đất: Thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, nay là thôn H, xã T. Nguồn gốc thửa đất gia đình ông đang sử dụng trước đây là đất của bố ông là cụ Lê Văn Đ (đã chết năm 2020). Thửa đất nêu trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu mang tên cụ Đ vào năm 2002. Năm 2010 cụ Đ làm thủ tục tặng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2010. Thửa đất gia đình ông sử dụng có một cạnh giáp hộ ông H, một cạnh giáp hộ ông Lê Khắc B, một cạnh giáp đường liên thôn và một cạnh giáp thửa đất nông nghiệp của gia đình ông. Từ trước đến nay, gia đình ông không có tranh chấp về đất đai đối với các hộ liền kề. Ranh giới giữa đất nhà ông và nhà ông H do gia đình ông đã xây tường rào năm 2011, trước đó năm 2001 cụ Đ có xây nhà bếp 03 gian lợp ngói, 01 gian công trình vệ sinh trên nền nhà cũ từ những năm 1979, đến năm 2011 vợ chồng ông sửa trát lại tường và sơn mới, xây tường rào. Toàn bộ các tài sản có trên đất là của vợ chồng ông xây dựng, các con không có đóng góp gì. Giáp ranh với thửa đất gia đình ông thì gia đình ông H có trồng 3 cây nhãn và tính từ mốc cây nhãn kéo sang đất ông H khoảng cách 2m thì đến con mương. Ông xác định 03 cây nhãn, 01 bụi tre, 01 bụi mai của gia đình ông H trồng và thuộc phần đất 60m² còn lại của đất ông H. Ông không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông H khởi kiện cho rằng gia đình ông xây nhà bếp, công trình phụ, tường rào lấn sang diện tích 60m² của gia đình ông H. Ông xác định ông đang sử dụng đúng mốc giới theo bản đồ 299, hơn nữa khi xây dựng các công trình gia đình ông H đều biết và không có ý kiến phản đối gì. Mặt khác trên bản đồ 299 thể hiện ranh giới nhà ông và hộ ông Lê Khắc B là một đường thẳng, tuy nhiên thực tế hiện nay hộ ông Bình xây không đúng ranh giới, có thể xây sang đất gia đình ông H. Đồng thời về ranh giới con mương có chiều rộng trước đây khoảng 30cm và theo bản đồ 299 con mương có vị trí là đường thẳng, tuy nhiên thực tế hiện nay con mương đã biến dạng lấn sang phía phần đất của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc H1 trình bày: Anh đồng ý nội dung, quan điểm như bố anh là ông Lê Quang H trình bày, các tài sản trên đất là của bố mẹ anh, vợ chồng anh chỉ ở nhờ trên đất. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H là buộc gia đình ông Q tháo dỡ các công trình xây lấn chiếm lên phần đất của gia đình anh, khôi phục lại nguyên trạng đất để trả lại cho gia đình anh diện tích đất khoảng 10,1m².

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày: Bà là vợ của ông H, bà đồng ý với quan điểm trình bày của ông H và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Thế Q và đồng ý với quan điểm trình bày của ông H. Bà xác định diện tích đất là của vợ chồng bà sử dụng đúng ranh giới không lấn chiếm đất của ông H và đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Chị là vợ anh H1 và đồng ý với quan điểm trình bày của anh H1 và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 31 và Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc yêu cầu ông Lê Thế Q phải tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại diện tích đất 10,1m² tại thửa 55.1, tờ bản đồ số 11; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2025, nguyên đơn là ông Lê Quang H cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án phúc thẩm đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang H là nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 51/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong thời hạn luật định. Việc thụ lý kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn kiện đòi bị đơn trả diện tích đất là $10,1\text{m}^2$ của thửa đất số 55+01.2 tờ bản đồ số 11 tiếp giáp với thửa đất của bị đơn thửa đất số 55.1+55.2 tờ bản đồ 11 và buộc tháo dỡ các tài sản trên đất tại thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ranh giới là quyền sử dụng đất.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Lê Quang H kiện đòi bị đơn là ông Lê Thế Q trả diện tích đất là $10,1\text{m}^2$ của thửa đất số 55+01.2 tờ bản đồ số 11 tiếp giáp với thửa đất của bị đơn thửa đất số 55.1+55.2 tờ bản đồ 11 và buộc tháo dỡ các tài sản trên đất. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn không chỉ được phần diện tích đang tranh chấp. Bị đơn cho rằng từ năm 2010 khi bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây dựng công trình sinh sống trên đất cho đến nay không có tranh chấp gì. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo:

Nội dung kháng cáo nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1]. Hộ ông Lê Quang H đang sử dụng thửa đất 55+01.2 và 01+55.2 tờ bản đồ số 11 có nguồn gốc là của ông cha để lại và được Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 11 năm 2002 đứng tên hộ ông Lê Quang H, diện tích là 1297m^2 (BL 02). Còn ông Lê Thế Q đang sử dụng thửa 55.1 + 55.2, tờ bản đồ số 11, có nguồn gốc cha ông để lại và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2002 mang tên cụ Lê Văn Đ (bố đẻ của ông Q). Năm 2010 cụ Đ đã làm thủ tục tặng cho ông Q quyền sử dụng đất và ông Q đã được UBND huyện Sông Lô cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/11/2010, diện tích là 1316m^2 (BL 21).

Diện tích đo đạc thực tế ông H là $811,3\text{m}^2$ và diện đo đạc thực tế hộ ông Q là 1355m^2 . Hiện nay hộ ông H mặc dù thiếu so với số liệu diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc thực tế các thửa đất chỉ căn cứ trên trích lục bản đồ địa chính, không ký giáp ranh giữa các chủ sử dụng đất nên có sự chênh lệch, sai số đo đạc diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đo đạc thực tế. Do đó diện tích đo đạc thực tế đủ hay thiếu so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là căn cứ duy nhất để xác định có việc xây dựng công trình lấn đất sang phần đất của chủ sử dụng khác hay không.

[3.2]. Quá trình sử dụng đất: Phần diện tích đất gia đình bị đơn ông Lê Thế Q đang sử dụng tiếp giáp với phần diện tích đất của gia đình nguyên đơn ông Lê Quang H đang sử dụng, gia đình ông Q có xây dựng một số công trình như nhà bếp ba gian, công trình nhà vệ sinh... Các công trình này được gia đình ông Q xây dựng, tồn tại từ thời điểm trước khi nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2002), đến năm 2010 ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng đã xây dựng nhà bếp, nhà vệ sinh trên nền nhà cũ trước đây cụ Đ đã xây dựng từ những năm 1979, khi ông Q xây dựng nhà và tường rào gia đình ông H đều biết, sang nhà chơi và không có ý kiến phản đối gì, gia đình ông Q đã sử dụng các công trình trên đất ổn định từ đó cho đến nay,

không có tranh chấp gì. Đến năm 2023 ông Q có đơn về việc giải quyết tranh chấp đất đai với ông H thì khi đó ông H mới cho rằng gia đình ông Q đã xây dựng công trình lấn chiếm đất của gia đình mình.

[3.3]. Qua xác minh tại địa phương và hiện trạng thửa đất thì thửa đất số 55.1 tờ bản đồ 11 trong bản đồ 299 là thửa đất số 55+01.2 và thửa số 01+55.2 tờ bản đồ 11 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 55 tờ bản đồ 11 trong bản đồ 299 là thửa đất số 55.1+55.2 tờ bản đồ 11 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H xác định phần đất tiếp giáp với đất gia đình ông Q có diện tích là 60m^2 và nằm trong một phần thửa đất 55+01.2 tờ bản đồ 11. Theo kết quả thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất của gia đình ông H tiếp giáp với đất gia đình ông Q là $49,9\text{m}^2$, theo ông H diện tích đất trên gia đình ông bị thiếu $10,1\text{m}^2$.

Hiện trạng ranh giới thửa đất gia đình ông H và thửa gia đình ông Q đang quản lý, sử dụng là tường rào xây gạch, tường nhà bếp, nhà vệ sinh do hộ ông Q xây dựng. Quá trình sử dụng đất cả hai hộ đều sử dụng ổn định trước năm 1993 đến nay. Ông H cho rằng nguyên nhân hộ gia đình ông bị thiếu về diện tích $10,1\text{m}^2$ so với diện tích 60m^2 là do hộ gia đình ông Q đã xây dựng công trình lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định tại chỗ thì ông H và ông Q đều thống nhất ranh giới giữa hai thửa đất là các điểm 16, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trên sơ đồ hiện trạng, ông H cũng không chỉ được phần diện tích đất bị thiếu $10,1\text{m}^2$ nằm ở vị trí cụ thể nào.

Vì vậy, không có căn cứ cho rằng gia đình ông Q xây dựng công trình lấn sang phần diện tích đất của gia đình ông H nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Cần xác định ranh giới đất giữa hai gia đình ông Q và ông H là các đoạn thẳng gấp khúc được giới hạn bởi các điểm 16, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trên sơ đồ hiện trạng ngày 08/4/2025 do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và đo đạc bản đồ CDP đo vẽ.

[4]. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định thửa đất thửa đất số 55+01.2, tờ bản đồ số 11 của nguyên đơn tiếp giáp với thửa đất của gia đình bị đơn và cho rằng thửa đất trên bị gia đình ông Q lấn chiếm. Hơn nữa thửa đất số 55+01.2 tờ bản đồ 11 hộ gia đình ông Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm lại xác định thửa đất số 55.1 là thửa đất nguyên đơn cho rằng bị gia đình ông Q lấn chiếm là không chính xác. Ngoài ra, đối với chi phí tố tụng, cấp sơ thẩm đã nhận định, tuy nhiên lại không quyết định trong phần quyết định là có phần thiếu sót. Cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp, đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5]. Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6]. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 51/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 31 và Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang H về việc yêu cầu ông Lê Thế Q phải tháo dỡ công trình xây dựng để trả lại diện tích đất 10,1m² tại thửa 55+01.2, tờ bản đồ số 11; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã T, tỉnh Phú Thọ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Quang H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.200.000 đồng. Xác nhận ông H đã nộp đủ.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Quang H.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 11 - Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ (Phòng THADS khu vực 11 - Phú Thọ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa